VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN DÂN TỘC HỌC
VÀ TÔN GIÁO HỌC
*
Số 295 QĐ/DTHTGH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai giao điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026

- Căn cứ Quyết định số 944 - QĐ/VHLKHXHVN ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Dân tộc học và Tôn giáo học;

- Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Quyết định số 2039 -QĐ/VHLKHXHVN ngày 12 tháng 11 năm 2026 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam;

Theo đề nghị của Kế toán trưởng.

VIỆN TRƯỞNG VIỆN DÂN TỘC HỌC VÀ TÔN GIÁO HỌC
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Viện Dân tộc học và Tôn giáo học (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Các ông (bà) Phòng Hành chính - Tổng hợp có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT Viện.

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN DÂN TỘC HỌC VÀ TÔN GIÁO HỌC

Nguyễn Văn Minh

Mẫu biểu số 01

Đơn vị: Viện Dân tộc học và Tôn giáo học
Chương: 045

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC - năm 2026

(Kèm theo QĐ số 295-QĐ/VDTHTGH ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Viện Dân tộc học và Tôn giáo học)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Tổng số thu**	**20,000,000**
	- Thu bán tạp chí	20,000,000
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**20,000,000**
	- Bán tạp chí	20,000,000
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	***Lệ phí***	
	Lệ phí…	
	Lệ phí…	
2	Phí	
	Phí …	
	Phí …	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**22,459,964,449**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**22,459,964,449**
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**22,459,964,449**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	8,287,564,943
	Chương trình KH và CN trọng điểm cấp Bộ	*4,300,000,000*
	Nhiệm vụ độc lập	*1,400,000,000*
	Nhiệm vụ cấp Bộ năm 2025-2026	*1,679,975,783*
	Nhiệm vụ cấp Cơ sở năm 2026	*907,589,160*
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	12,344,438,996
2.3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	380,578,000
2.4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	548,282,510
2.5	Quỹ tiền thưởng	899,100,000
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	